

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/HNST  
Ngày: 15/12/2020  
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Triều
2. Ông Huỳnh Việt Hưng

*Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Diệp* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nga* – Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 495/2020/TLST–HNST ngày 01/10/2020 về việc tranh chấp “*ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 795/2020/QĐST ngày 27/11/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà **T.T.N.B**, sinh năm 1988 (*có mặt*)

Địa chỉ: 1/17 khu vực 3, Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**\* Bị đơn:** Ông **T.N.H.V**, sinh năm 1980 (*có mặt*)

Địa chỉ: 18/9/8 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **D.T.H**, sinh năm 1970 (*có mặt*)

Địa chỉ: 1/17 khu vực 3, Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **T.N.T.T**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 18/9/8 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:**

Bà và ông T.N.H.V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2016 tại UBND phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay gây cãi. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.N.H.V.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là T.K.N (nữ) sinh ngày 24/02/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N., yêu cầu ông V. phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu N. đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo đơn phản tố ngày 08/10/2020, bị đơn trình bày:**

Ông thống nhất lời trình bày của bà B. về quan hệ hôn nhân và ông đồng ý ly hôn với bà T.T.N.B.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là T.K.N (nữ) sinh ngày 24/02/2016. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. và không yêu cầu bà B. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà B. có mua phần đất có diện tích 60m<sup>2</sup> tại số 1/17 khu vực 3, Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều. Ông thừa nhận việc mua đất vào năm 2013 nhưng lúc đó ông và bà B. đã chung sống với nhau như vợ chồng. Tiền mua đất là 115.000.000đồng nhưng mẹ bà B. chỉ cho 100.000.000đồng còn thiếu 15.000.000đồng ông phải mượn người chị ruột bà T.N.T.T để hùn vô trả cho chủ đất nhưng không làm biên nhận do lúc đó tình cảm vợ chồng vẫn còn. Vào năm 2014, tiền xây dựng nhà là 180.000.000đồng, mượn mẹ bà B. 50.000.000đồng còn lại là tiền của ông. Việc ông bỏ tiền xây dựng nhà có bà Huệ là chủ cửa hàng cung cấp vật liệu xây dựng biết và khi trả tiền có ký biên nhận. Nay ông yêu cầu bà B. trả lại số tiền 150.000.000đồng mà ông đã góp vào mua đất và xây dựng căn nhà tại số 1/17 khu vực 3, Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều.

Về nợ chung: ông trình bày có mượn chị gái là bà T.N.T.T số tiền 15.000.000đồng là tiền hùn mua đất tại số 1/17 Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều. Đối với số nợ trên ông tự trả không yêu cầu bà B. phải chịu.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D.T.H trình bày:**

Đối với số tiền 100.000.000đồng mà bà đã cho bà B. mua đất và 50.000.000đồng cho xây nhà bà không có ý kiến gì vì đây là tiền mà bà cho con gái để làm tài sản riêng. Bà không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T.N.T.T trình bày:**

Đối với số tiền 15.000.000đồng ông T.N.H.V mượn của bà để mua đất thì bà không có yêu cầu trong vụ kiện này, khi nào V. có thì trả lại cho bà. Do là chị em ruột nên khi mượn không có làm biên nhận.

**Tại phiên tòa,**

Nguyên đơn bà T.T.N.B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng thay đổi yêu cầu cấp dưỡng bà không yêu cầu ông V. cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà không đồng ý vì cho rằng số tiền mua đất vào năm 2013 là 110.000.000đồng trong đó mẹ bà cho 100.000.000đồng, 10.000.000đồng còn lại là tiền của bà dành dụm được góp vào. Bà không hề biết việc ông V. mượn 15.000.000đồng của bà T. và ông V. không hề góp tiền vào mua đất. Tiền xây dựng nhà là do gia đình bà cho, cộng với tiền bà bán vàng, bán xe và mượn mẹ là bà H. 50.000.000đồng để xây dựng, ông V. khi đó chưa có công việc làm ổn định nên không có tiền để góp vào xây dựng nhà.

Bị đơn ông T.N.H.V vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Ông đồng ý ly hôn với bà B., yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà B. cấp dưỡng.

**Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều như sau:**

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ly hôn, đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

+ Về con chung: ông bà có 01 con chung là cháu T.K.N (nữ), sinh ngày 24/02/2016. Hiện nay, cháu đang sống chung với bà B. và cháu N. là bé gái nên để đảm bảo cho sự phát triển của cháu đề nghị tiếp tục giao cháu N. cho bà B. trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà B. thay đổi yêu cầu, không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: theo yêu cầu phản tố của bị đơn. Xét thấy: bị đơn cho rằng có góp tiền vào mua đất và xây dựng căn nhà tại số 1/17 Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, ông yêu cầu bà B. trả lại 150.000.000đồng. Tuy nhiên, việc mua đất và xây dựng căn nhà tại số 1/17 Sông Hậu là tài sản hình thành trước khi

nguyên đơn và bị đơn đăng ký kết hôn, tất cả hợp đồng và giấy tờ đều chỉ do bà B. đứng tên, dù thời gian này hai người đã chung sống với nhau như vợ chồng tuy nhiên theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản này không được xem là tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác, theo lời khai của chủ đất là bà Trần Thị Diễm và bà Nguyễn Thị Mỹ Huệ - chủ cửa hàng cung cấp vật liệu xây dựng căn nhà số 1/17 Sông Hậu thì chưa đủ căn cứ chứng minh ông V. có góp tiền vào xây dựng căn nhà này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

+ Về án phí: các bên phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà T.T.N.B và ông T.N.H.V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà B. có đơn yêu cầu ly hôn với ông V. Vụ kiện được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ kiện. Do đó, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Bà B. và ông V. tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do sự bất đồng trong quan điểm sống, thường hay gây cãi. Nay bà B. nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông V. Về phía ông V. cũng đồng ý ly hôn với bà B., xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự.

[5] *Về con chung*: Có 01 con chung là cháu T.K.N (nữ) sinh ngày 24/02/2016. Hiện nay cháu N. đang do bà B. trực tiếp nuôi dưỡng và cháu lại là bé gái nên để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý của cháu, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu N. cho bà B. trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[6] *Về cấp dưỡng*: tại phiên tòa bà B. thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông V. cấp dưỡng nuôi con. Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhà và đất tại số 1/17 Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều là tài sản riêng của bà được mẹ bà cho tiền mua đất và xây dựng trước khi kết hôn với ông V.

*Xét yêu cầu phản tố của bị đơn*:

Ông V. cho rằng tiền mua đất là 115.000.000đồng, trong đó bà D.T.H (mẹ của bà B.) cho 100.000.000đồng, số tiền còn lại là do ông góp vào 15.000.000đồng để trả cho chủ đất. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 10/11/2020 bà Trần Thị Diễm trình bày số tiền bà chuyển nhượng đất cho bà B. là 110.000.000đồng, bà không rõ tiền của ai nhưng bà B. là người đứng tên trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 14/11/2013 và theo Văn bản thỏa thuận ngày 14/11/2013 bà B. cũng là người đồng sử dụng quyền sử dụng đất tại khu vực 3, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Do đó lời khai của ông V. là chưa phù hợp với số tiền chuyển nhượng đất đã ghi trong hợp đồng.

Mặt khác, ông V. cho rằng việc góp tiền vào xây dựng nhà có bà Huệ chủ cửa hàng cung cấp vật liệu xây dựng biết và có làm biên nhận khi giao hàng trả tiền nhưng trong biên bản làm việc ngày 10/11/2020, bà Nguyễn Thị Mỹ Huệ trình bày khi mua bán vật liệu không có hóa đơn chứng từ, bà cũng không rõ nguồn gốc tiền mua vật liệu là của ông V. hay bà B., cũng như không nhớ tổng số tiền bán vật liệu là bao nhiêu.

Xét thấy, nhà và đất tọa lạc tại số 1/17 Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều là tài sản riêng của bà B. tạo lập được năm 2013, trước khi bà B. và ông V. đăng ký kết hôn năm 2016. Tuy rằng thời điểm này ông bà đã chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn nên không thể xem là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc ông V. phản tố cho rằng có góp tiền vào mua đất và xây dựng căn nhà nêu trên nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và nguyên đơn cũng không thừa nhận việc ông V. có đóng góp tiền để tạo lập tài sản trên. Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn ông T.N.H.V là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với số tiền 15.000.000đồng bà T.N.T.T đã cho ông V. mượn, bà không có yêu cầu trong vụ kiện này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 33, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: bà T.T.N.B và ông T.N.H.V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu T.K.N (nữ) sinh ngày 24/02/2016 cho bà T.T.N.B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông T.N.H.V không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông T.N.H.V về việc buộc bà T.T.N.B phải trả số tiền 150.000.000đồng mà ông đã góp vào mua đất và xây dựng căn nhà tại số 1/17 khu vực 3, Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Về nợ chung: không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Nguyên đơn bà T.T.N.B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003012 ngày 03/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí.

Bị đơn ông T.N.H.V phải chịu 7.500.000đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003271 ngày 10/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Ông V. còn phải nộp thêm 3.750.000đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Huyền Trang**